TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH Số: 30 /2023/QĐCNTTLH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tân S, ngày 31 tháng 03 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55, 81,82,83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Hà Huyền Tr và anh Đặng Tiến D.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 03/03/2023 về việc yêu cầu ly hôn của chị Hà Huyền Tr.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16/03/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Chị Hà Huyền Tr, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu Văn Tân, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph.

-Người bị kiện: Anh Đặng Tiến D**,** sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu Văn Tân, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16 tháng 03 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16 tháng 03 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Huyền Tr và anh Đặng Tiến D.

- Về con chung: Chị Hà Huyền Tr và anh Đặng Tiến Dg xác nhận có 02 con chung là cháu Đặng Gia B, sinh ngày 03/09/2008 và cháu Đặng Huy H, sinh ngày 03/09/2014. Nay ly hôn chị Tr, anh D thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Đặng Gia B cho anh Đặng Tiến D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B thành niên và cháu Giao cháu Đặng Huy H cho chị Hà Huyền Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H thành niên. Hai anh, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: : Chị Hà Huyền Tr và anh Đặng Tiến D tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Văn L*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH Số: 38 /2023/QĐCNTTLH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tân S, ngày 15 tháng 04 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55, 81,82,83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Phùng Thị Th và anh Trịnh Văn L.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 20/12/2022 về việc yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị Th.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31/03/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Chị Phùng Thị Th, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm Lương S, xã Vinh T, huyện Tân S, tỉnh Ph.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Lã Thành Công, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph

-Người bị kiện: Anh Trịnh Văn L**,** sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm Lương Sơn, xã Vinh T, huyện Tân S, tỉnh Ph

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Sang, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31 tháng 03 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31 tháng 03 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị Th và anh Trịnh Văn L.

- Về con chung: Chị Phùng Thị Th và anh Trịnh Văn L xác nhận có 02 con chung là cháu Trịnh Phúc Q, sinh ngày 28/08/2011 và cháu Trịnh Thị H, sinh ngày 17/10/2013. Nay ly hôn chị Th, anh L thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Trịnh Phúc Q và cháu Trịnh Thị H cho anh Trịnh Văn L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu đến khi thành niên. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L cho hai cháu vì anh L tự nguyện không yêu cầu và chị Th được quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: chị Phùng Thị Th và anh Trịnh Văn L đều tự nguyện thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Vinh T*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S
TỈNH PH
Số: **43** /2023/QĐCNTTLH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tân S, ngày 26 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55, 81,82,83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Hà Thị H và anh Phùng Tiến Đ.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 03/04/2023 về việc yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị H.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11/04/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Chị Hà Thị H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu Còn 2, xã Thu Ng, huyện Tân S, tỉnh Ph.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Sang, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph

-Người bị kiện: Anh Phùng Tiến Đ**,** sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu Còn 2, xã Thu Ng, huyện Tân S, tỉnh Ph

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà Đinh Thị Hạnh, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 04 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 11 tháng 04 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị H và anh Phùng Tiến Đ.

- Về con chung: Chị Hà Thị H và anh Phùng Tiến Đ xác nhận có 02 con chung là cháu Phùng Thị Hải Y, sinh ngày 19/07/2012 và cháu Phùng Quỳnh Tr, sinh ngày 29/12/2016. Nay ly hôn chị H và anh Đ thống nhất thỏa thuận: Giao

cháu Phùng Thị Hải Y và cháu Phùng Quỳnh Tr cho anh Phùng Tiến Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu đến khi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đạt cho hai cháu vì anh Đ tự nguyện không yêu cầu và chị H được quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Hà Thị H và anh Phùng Tiến Đ đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Thu Ng*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S
TỈNH PH
Số: **45** /2023/QĐCNTTLH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tân S, ngày 29 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Hoàng Minh Đ và chị Hà Thị Kh.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 07/04/2023 về việc yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Minh Đ.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14/04/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Anh Hoàng Minh Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm Vinh Quang, xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Ph.

-Người bị kiện: Chị Hà Thị Kh**,** sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm Vinh Quang, xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Ph.

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 04 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 04 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Minh Đ và chị Hà Thị Kh .

- Về con chung: Anh Hoàng Minh Đ và chị Hà Thị Kh xác nhận có 01 con chung là cháu Hoàng Du Kh, sinh ngày 15/07/2015. Nay ly hôn anh Đ và chị Kh thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Hoàng Du Kh, sinh ngày 15/07/2015 cho chị Hà Thị Kh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kh đến khi thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Kh cho cháu Kh vì chị Kh tự nguyện không yêu cầu và anh Đ được quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Anh Hoàng Minh Đ và chị Hà Thị Kh tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Minh Đ*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S
TỈNH PH
Số: **46** /2023/QĐCNTTLH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tân S, ngày 02 tháng 05 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Đinh Thị X và anh Hà Trọng T.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 10/04/2023 về việc yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị X.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 17/04/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Chị Đinh Thị X, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm Đép, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph.

-Người bị kiện: Anh Hà Trọng T**,** sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm Đép, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 17 tháng 04 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 17 tháng 04 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị X và anh Hà Trọng T.

- Về con chung: Chị Đinh Thị X và anh Hà Trọng T đều xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Đinh Thị X và anh Hà Trọng T đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Văn L*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH Số: **47** /2023/QĐCNTTLH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tân S, ngày 04 tháng 05 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Lò Thị Y và anh Hà Văn Ng.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 13/04/2023 về việc yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị Y.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19/04/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Chị Lò Thị Y, sinh năm 1974

Địa chỉ: Bản Thái Cóng, xã Phổng L, huyện Thuận Ch, tỉnh Sơn L.

-Người bị kiện: Anh Hà Văn Ng**,** sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm Bông Lau, xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Ph

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19 tháng 04 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19 tháng 04 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị Y và anh Hà Văn Ng.

- Về con chung: Chị Lò Thị Y và anh Hà Văn Ng đều xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Lò Thị Y và anh Hà Văn Ng đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Minh Đ*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S
TỈNH PH
Số: **50** /2023/QĐCNTTLH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tân S, ngày 09 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Hà Xuân Đ và chị Hà Thị Gi.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 18/04/2023 về việc yêu cầu ly hôn của anh Hà Xuân Đ.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 24/04/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Anh Hà Xuân Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu Mơn, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph.

-Người bị kiện: Chị Hà Thị Gi**,** sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu Mơn, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph.

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 24 tháng 04 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 24 tháng 04 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hà Xuân Đ và chị Hà Thị Gi .

- Về con chung: Anh Hà Xuân Đ và chị Hà Thị Gi xác nhận có 01 con chung là cháu Hà Ngọc D, sinh ngày 27/08/2016. Nay ly hôn anh Đ và chị Gi thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Hà Ngọc D, sinh ngày 27/08/2016 cho anh Hà Xuân Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D đến khi thành niên. Chị Gi không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ cho cháu D vì anh Đ tự nguyện không yêu cầu và chị Gi được quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Anh Hà Xuân Đ và chị Hà Thị Gi đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Văn L*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S
TỈNH PH
Số: **51** /2023/QĐCNTTLH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tân S, ngày 09 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55, 81,82,83 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Hà Thị Lan A và anh Hà Văn V.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 24/04/2023 về việc yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Lan A.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 24/04/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Chị Hà Thị Lan A, sinh năm 2002

Địa chỉ: Khu Đèo Mương 2, xã Thu Ng, huyện Tân S, tỉnh Ph.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Lã Thành Công, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph

-Người bị kiện: Anh Hà Văn V**,** sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu Đèo Mương 2, xã Thu Ng, huyện Tân S, tỉnh Ph

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Sang, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 24 tháng 04 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 24 tháng 04 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Lan A và anh Hà Văn V.

- Về con chung: Chị Hà Thị Lan A và anh Hà Văn V xác nhận có 01 con chung là cháu Hà Khánh V, sinh ngày 01/08/2021. Nay ly hôn chị A và anh V thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Hà Khánh V, sinh ngày 01/08/2021 cho chị Hà Thị Lan A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V đến khi thành niên. Anh Hà Văn V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A đối với cháu V là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng)/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu V thành niên lao động tự túc được. Anh V được quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Hà Thị Lan A và anh Hà Văn V đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Thu Ng*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S
TỈNH PH
Số: 52 /2023/QĐCNTTLH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tân S, ngày 10 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Nguyễn Như Á và anh Hà Mạnh D.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 11/04/2023 về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Như Á.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25/04/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Chị Nguyễn Như Á, sinh năm 2001

Địa chỉ: Tổ 21, Mộ Thượng, P Bạch H, TP Việt Tr, tỉnh Ph.

-Người bị kiện: Anh Hà Mạnh D**,** sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu Láng, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25 tháng 04 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25 tháng 04 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Như Á và anh Hà Mạnh D.

- Về con chung: Chị Nguyễn Như Á và anh Hà Mạnh D xác nhận có 01 con chung là cháu Hà Minh Kh, sinh ngày 01/07/2021. Nay ly hôn chị Á và anh D thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Hà Minh Kh, sinh ngày 01/07/2021 cho chị Nguyễn Như Á được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kh đến khi thành niên. Anh Hà Mạnh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Á tự nguyện không yêu cầu. Anh D được quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Nguyễn Như Á và anh Hà Mạnh D đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Văn L*
- *UBND P. Bạch H*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH Số: **53** /2023/QĐCNTTLH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tân S, ngày 10 tháng 05 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Tố L.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 14/04/2023 về việc yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn L.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25/04/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu Bình Dân, xã Thục L, huyện Thanh S, tỉnh Ph.

-Người bị kiện: Chị Nguyễn Thị Tố L**,** sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm Láng, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25 tháng 04 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 25 tháng 04 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Tố L.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Tố L đều xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Tố L đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của p háp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Văn L*
- *UBND xã Thục L*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S
TỈNH PH
Số: **54** /2023/QĐCNTTLH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tân S, ngày 11 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Hà Thị Vạn Th và anh Hà Trung S.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 19/04/2023 về việc yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Vạn Th.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26/04/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Chị Hà Thị Vạn Th, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu Mít 1, xã Đồng S, huyện Tân S, tỉnh Ph

-Người bị kiện: Anh Hà Trung S**,** sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu Mít 1, xã Đồng S, huyện Tân S, tỉnh Ph

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 04 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 04 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Vạn Th và anh Hà Trung S.

- Về con chung: Chị Hà Thị Vạn Th và anh Hà Trung S xác nhận có 01 con chung là cháu Hà Ngọc Á, sinh ngày 03/01/2014. Nay ly hôn chị Th và anh S thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Hà Ngọc Á, sinh ngày 03/01/2014 cho anh Hà Trung S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Á đến khi thành niên. Chị Hà Thị Vạn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh S tự nguyện không yêu cầu. Chị Th được quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Hà Thị Vạn Th và anh Hà Trung S đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Đồng S*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S
TỈNH PH
Số: **56** /2023/QĐCNTTLH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tân S, ngày 19 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Nông Thị L và anh Hà Văn T.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 24/04/2023 về việc yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị L.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04/05/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Chị Nông Thị L, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn Nà Xài, xã Minh Ng, huyện Bắc M, tỉnh Hà Gi

-Người bị kiện: Anh Hà Văn T**,** sinh năm 2001

Địa chỉ: Khu Mơn, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 05 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 05 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị L và anh Hà Văn T .

- Về con chung: Chị Nông Thị L và anh Hà Văn T xác nhận có 02 con chung là cháu Hà Minh D, sinh ngày 06/04/2018 và cháu Hà Gia H, sinh ngày 23/08/2021. Nay ly hôn chị L và anh T thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Hà Minh D, sinh ngày 06/04/2018 và cháu Hà Gia H, sinh ngày 23/08/2021 cho anh Hà Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu đến khi thành niên. Chị Nông Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T tự nguyện không yêu cầu. Chị L được quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Nông Thị L và anh Hà Văn T đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Văn L*
- *UBND xã Minh Ng*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH Số: **60** /2023/QĐCNTTLH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tân S, ngày 29 tháng 05 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Đặng Văn Ng và chị Hoàng Thị Ph.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 28/04/2023 về việc yêu cầu ly hôn của anh Đặng Văn Ng.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12/05/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Anh Đặng Văn Ng, sinh năm 1999

Địa chỉ: Bản Đu Lau, xã Tân L, huyện Phù Y, tỉnh Sơn L

-Người bị kiện: Chị Hoàng Thị Ph**,** sinh năm 2001

Địa chỉ: Xóm Ú, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Ph

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Lã Thành Công, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 05 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 05 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Văn Ng và chị Hoàng Thị Ph.

- Về con chung: Anh Đặng Văn Ng và chị Hoàng Thị Ph xác nhận có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 29/06/2020. Nay ly hôn anh Ng và chị Ph thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 29/06/2020 cho anh Đặng Văn Ng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D đến khi thành niên. Chị Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ng đối với cháu D vì anh Ng tự nguyện không yêu cầu. Chị Ph được quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Anh Đặng Văn Ng và chị Hoàng Thị Ph đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Thu C*
- *UBND xã Tân L*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S
TỈNH PH
Số: **66** /2023/QĐCNTTLH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tân S, ngày 14 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32,33,34 và 35 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

Căn cứ điều 55, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Hoàng Thị H và anh Hà Thanh G.

Sau khi nghiên cứu:

-Đơn khởi kiện/ Đơn yêu cầu đề ngày 19/05/2023 về việc yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị H.

-Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29/05/2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

-Người khởi kiện: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1999

Địa chỉ: Khu Thừ 1, xã Tân S, huyện Tân S, tỉnh Ph

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Lã Thành Công, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph

-Người bị kiện: Anh Hà Thanh G**,** sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu Thừ 1, xã Tân S, huyện Tân S, tỉnh Ph

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Sang, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph

-Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 05 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 05 năm 2023 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Hà Thanh G.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Hà Thanh G xác nhận có 01 con chung là cháu Hà Ngọc Th, sinh ngày 24/01/2017. Nay ly hôn chị H và anh G thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Hà Ngọc Th, sinh ngày 24/01/2017 cho anh Hà Thanh G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th đến khi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh G đối với cháu Th vì anh G tự nguyện không yêu cầu. Chị H được quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Hoàng Thị H và anh Hà Thanh G đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *UBND xã Tân S*
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10** /2023/HNGĐ - ST
Ngày 25 tháng 04 năm 2023
V/v: *"Hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Đình Quang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trưởng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S tỉnh Ph tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph, Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2023/TLST- HNGĐ, ngày 09 / 02 / 2023 Về việc "*Hôn nhân và gia đình*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 12/ 04/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hà Huyền Tr**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Xóm Luông, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph

Bị đơn: Anh **Hà Minh T**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm Luông, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph

(Tại phiên tòa chị Tr và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Huyền Tr trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 20/09/2018, Chị và anh Hà Minh T đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chị ở cùng với gia đình anh T tại xóm Luông, xã Văn L được một thời gian. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống với nhau không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh T.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Hà Trà M, sinh ngày 27/05/2019 hiện nay cháu M đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị nhất trí để anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M khôn lớn thành niên, chị Tr tự nguyện cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.
- *Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ, công sức:* Chị Tr xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về phía bị đơn: Anh Hà Minh T đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Tr và anh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/03/2023, anh T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Tr đăng ký kết hôn như chị Tr trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn cuộc sống chung không thể kéo dài , mục đich hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị Hà Huyền Tr.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Hà Trà M, sinh ngày 27/05/2019, hiện nay cháu M đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và anh T yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M khôn lớn thành niên.

- *Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp*: Anh T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ vào khoản 1 điều 56 điều 57, 81,82,83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình. *Tuyên xử:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Huyền Tr được ly hôn anh Hà Minh T.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao cháu Hà Trà M, sinh ngày: 27/05/2019 cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T số tiền là: 1.000.000đ/tháng. Chị Tr được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

- *Về tài sản chung, riêng vợ chồng, công nợ, cấp dưỡng giữa vợ và chồng, công sức đóng góp:* Chị Tr, anh T xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên, Viện kiểm sát không xem xét đề nghị giải quyết là phù hợp;

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc nguyên đơn chị Hà Huyền Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Xác nhận chị Tr đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Sơn theo biên lai số: AA/2020/0007509 ngày 09/02/2023, nay được chuyển thành án phí ly hôn sơ thẩm. Buộc chị Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Huyền Tr có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Minh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph. Tòa án đã thông báo cho anh Hà Minh T về việc thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Tr và anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh T đến Tòa án để làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chúng cứ. Ngày 27/03/2023 Tòa án phối hợp cùng chính quyền địa phương đến tại gia đình anh T để tiến hành lấy lời khai của anh T và anh T trình bày quan điểm, ý kiến của mình, đồng thời anh T, chị Tr cũng có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Tr, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng

dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân S xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 20/09/2018, Chị và anh Hà Minh T đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống thời gian đầu vợ chồng anh, chị hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2022 chị Tr và anh T không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên có mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tr xin được ly hôn anh T. Về phía anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng theo như chị Tr trình bày là đúng, nay chị Tr xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh T đã dạn nứt không thể hàn gắn được. Sau khi chị Tr xin ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý điều đó chứng tỏ anh T không còn niềm tin vào hành phúc của mình. Mặt khác, Qua xác minh tại UBND xã Văn L cho rằng khả năng đoàn tụ của anh, chị là khó. Như vậy, có thể thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr và anh T xác nhận có 01 (Một) con chung là cháu Hà Trà M, sinh ngày 27/05/2019. Khi ly hôn chị Tr có quan điểm nguyện vọng để anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vì hiện nay cháu M đang ở cùng với anh T và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T với số tiền là: 1.000.000đ/tháng. Còn đối với anh T cũng đồng ý với chị Tr về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Nên cần giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83, 110 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Tr được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở là phù hợp.

2.3. Về tài sản chung,tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị Tr và anh T đều xác nhận không có nên không đặt ra và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị Hà Huyền Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.5.Về quyền kháng cáo: Chị Tr và anh T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81,82,83,110 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Hà Huyền Tr được ly hôn anh Hà Minh T.

[2]*Về con chung:* Giao cháu Hà Trà M, sinh ngày: 27/05/2019 cho anh Hà Minh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M khôn lớn thành niên. Chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T số tiền là: 1.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu M thành niên. Chị Tr được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

[3]*Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị Tr và anh T đều xác nhận không có nên không đặt ra và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Hà Huyền Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Tr đã nộp là 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số: AA/2020/0007509 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân S, tỉnh Ph.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Tr và anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ph xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện Tân S;
- UBND xã Văn M
- UBND xã Văn L
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S
TỈNH PH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **11** /2023/HNGĐ - ST

Ngày 25 tháng 04 năm 2023

V/v: *"**Hôn nhân và gia đình**"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Đình Quang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Đức Nghị và ông: Hà Đức Trưởng

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí - Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S tham gia phiên toà:

Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/TLST – HNGĐ ngày 29/11/2022 về việc "Hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10 /2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 04 năm 2023 giữa :

- Nguyên đơn anh: **Hà Hùng D**, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Khu Dát Vảo, xã Tam Th, huyện Tân S, tỉnh Ph

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Ông Lã Thành Công trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp nhà nước tỉnh Ph.

- Bị đơn chị: **Đinh Thị Giã**, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Khu Dát Vảo, xã Tam Th, huyện Tân S, tỉnh Ph;

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: Ông Bùi Đức Dũng trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp nhà nước tỉnh Ph.

(Anh Dũng, ông Công, ông Dũng có mặt chị Giã vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2022 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án của nguyên đơn anh Hà Hùng D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị Gi kết hôn với nhau năm 2009 trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã

Khả C, huyện Thanh S, tỉnh Ph (thể hiện Giấy chứng nhận kết hôn số: 32 ngày 16/10/2009). Sau khi kết hôn vợ chồng anh ở cùng với bố mẹ chồng. Trong cuộc sống những năm đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau không tin tưởng nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gia đình không hòa thuận, đầm ấm, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân S giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị Gi.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu: Hà Anh T, sinh ngày 25/3/2010 và cháu Hà Thanh Th, sinh ngày 15/5/2015 hiện nay các cháu đang ở với anh D. Khi ly hôn anh D có quan điểm nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và anh D tự nguyện không yêu cầu chị Gi phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về chia tài sản, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Anh D không đặt ra và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phía bị đơn chị Đinh Thị Gi:

Chị Đinh Thị Gi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng chị Gi đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Tòa án phối hợp làm việc với chính quyền địa phương và gia đình chị Gi để tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và qua lời khai của anh Đinh Văn Th (là anh trai ruột chị Gi) ngày 14/03/2023 anh Th cho biết chị Gi và anh D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khả C, huyện Thanh S, tỉnh Ph. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nên chị Gi không ở cùng anh D và vợ chồng đã ly thân, chị Gi hiện nay đi làm thuê ở Bắc Ninh lúc ở chỗ này, lúc ở chỗ khác, anh Th không biết địa chỉ cụ thể của chị Gi. Anh Th đã thông báo qua điện thoại cho chị Gi về việc Tòa án gửi thông báo thụ lý và giấy báo cho chị Gi về để giải quyết việc anh D xin ly hôn với chị Gi, nhưng chị Gi không về và chị có nói anh D xin ly hôn thì chị Gi hoàn toàn đồng ý .

Về con chung: Anh D và chị Giã có 02 con chung là cháu Hà Anh T, sinh ngày: 25/3/2010 và cháu Hà Thanh Th, sinh ngày: 15/5/2015 hiện nay các cháu đang ở với anh D. Nay ly hôn anh Th đề nghị chị Gi đi làm vắng nhưng anh có thông báo cho chị Gi biết việc anh D có nguyện vọng xin được nuôi 2 con chung và không yêu cầu chị Gi phải cấp dưỡng và chị Gi cũng nhất trí.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Các vấn đề khác đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D và xử cho anh D được ly hôn chị Gi. Về con chung tiếp tục giao hai con chung cho anh D nuôi dưỡng, Các vấn đề khác không có nên không đặt ra để giải quyết.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Để nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của pháp luật;

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Hùng D được ly hôn chị Đinh Thị Gi

+ Về con chung, Cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Hà Anh T, sinh ngày 25/3/2010 và cháu Hà Thanh Th, sinh ngày 15/5/2015 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi hai cháu thành niên. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh D tự nguyện không yêu cầu và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, anh D xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Miễn án Phí ly hôn sơ thẩm cho anh Hà Hùng D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về trình tự, thủ tục tố tụng: Anh Hà Hùng D có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph giải quyết cho anh được ly hôn chị Đinh Thị Gi. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph.

Tòa án đã thông báo cho chị Đinh Thị Gi về việc thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình giữa anh D và chị G. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị Gi đến Tòa án để làm việc nhưng chị Gi đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Gi đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng chị Gi đều vắng mặt; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân S xét xử vắng mặt chị Gi là đúng quy định của pháp luật.

[2].Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 16/10/2009 Anh Hà Hùng D và chị Đinh Thị Gi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khả C, huyện Thanh S, tỉnh Ph lµ hoµn toµn tù nguyÖn vµ hîp ph¸p. Cuộc sống chung vợ chồng giữa anh D và chị Gi thêi gian ®Çu t×nh c¶m vî chång vui vÎ, hoµ thuËn h¹nh phóc. Nay anh D xin ly h«n chị Gi với lý do trong quá trình chung sống, vợ, chồng không bảo nhau làm ăn được, hay bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh D đề nghị xin được ly hôn chị Gi. Về phÝa chị Gi vắng mặt nhưng qua lời khai ngày 14/03/2023 của anh Đinh Văn Th (là anh trai ruột chị Gi) thì anh Th cho Tòa án biết chị Gi hiện nay đi làm thuê lúc ở chỗ này, lúc ở chỗ khác. anh không biết địa chỉ cụ thể của chị Gi. Nhưng anh đã thông báo cho chị Gi qua điện thoại về việc Tòa án gửi thông báo Thụ lý vụ án và giấy báo cho chị về để giải quyết việc anh D xin ly hôn chị, nhưng chị không về và chị Gi có nói anh D xin ly hôn thì chị hoàn toàn đồng ý. XĐt thấy t×nh c¶m vî chång gi÷a anh Hà Hùng D và chị Đinh Thị Gi ®· r¹n nøt, khã hµn g¾n ®ưîc. Sau khi anh D cã ®¬n xin ly h«n t¹i Toµ n chị Gi đều cố tình lẩn tránh, điều đó chứng tỏ chị Gi cũng không có biện pháp tích cực nào để vợ chồng hàn gắn dạn nứt, cũng như c¶i thiÖn l¹i mối quan hÖ vî chång. Mặt khác, Qua xác minh tại UBND xã Tam Th cho rằng khả năng đoàn tụ của anh, chị là khó. Như vậy,có thể thấy t×nh tr¹ng m©u thuÉn vợ chồng giữa anh D và chị Gi ®· đến mức trÇm träng, ®ªi sèng chung kh«ng thÓ kÐo dµi, môc ®Ých h«n nh©n kh«ng ®¹t ®ưîc, nÕu kÐo dµi chØ g©y ®au khæ cho c¶ hai bªn, lµm cho anh, chÞ sèng kh«ng ®em l¹i h¹nh phóc, kh«ng cßn t×nh yªu thư¬ng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D đối với chị Gi là phù hợp víi quy định tại khoản 1 ®iÒu 56 cña LuËt h«n nh©n vµ gia ®×nh.

2.2 Về con chung: Trong quá trình chung sống anh D và chị Gi có 02 (hai) con chung là cháu Hà Anh T, sinh ngày 25/3/2010 và cháu Hà Thanh Th, sinh ngày 15/5/2015. Hiện nay hai cháu đang ở với anh D. Khi ly hôn anh D có quan điểm nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và anh D tự nguyện không yêu cầu chị Gi phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về phía chị Gi vắng mặt nhưng qua lời khai của anh Th (anh trai chị Gi) cho biết chị Gi cũng nhất trí với quan điểm của anh D. Xét yêu cầu của anh D và chị Gi đều thống nhất giao hai con chung cho anh D nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung quá trình giải quyết vụ án, anh D không yêu cầu chị Gi phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét yêu cầu của anh D không yêu cầu chị Gi phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên

tòa hôm nay anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này giữa anh D và chị Gi phát sinh tranh chấp về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, cống sức đóng góp của vợ chồng thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác là phù hợp.

[3]. Về án phí: Anh Hà Hùng D là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực đặc biệt khó khăn nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4].Về quyền kháng cáo: Anh Hà Hùng D và chị Đinh Thị Gi được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 và Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1điều 12 và danh mục kèm theo của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

[1]. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Hà Hùng D được ly hôn với chị Đinh Thị Gi.

[2]. **Về con chung:** Giao cháu Hà Anh T, sinh ngày 25/3/2010 và cháu Hà Thanh Th, sinh ngày 15/5/2015 cho anh Hà Hùng D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu đến khi thành niên. Chị Đinh Thị Gi không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh D tự nguyện không yêu cầu, chị Gi có quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

[3]. **Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Anh Hà Hùng D, chị Đinh Thị Gi không đặt ra và không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4]. **Về án phí :** - Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Hà Hùng D

+ Hoàn trả lại cho anh Hà Hùng D số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007493 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân S, tỉnh Ph.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

¸n d©n sù; thêi hiÖu thi hµnh ¸n ®îc thùc hiÖn theo quy ®Þnh t¹i ®iÒu 30 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù.

[5]. **Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh Hà Hùng D có mặt được quyền kháng cáo, chị Đinh Thị Gi vắng mặt được được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ph xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện Tân S;
- UBND xã Khả C
- UBND xã Tam Th
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN S** **TỈNH PH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14** /2023/HNGĐ - ST

Ngày 26/ 05/ 2023

V/v: *"Hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Đình Quang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trưởng

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí -Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph tham gia phiên toà: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14 /2023/TLST- HNGĐ ngày 13/02/ 2023 Về việc: *"Hôn nhân và gia đình*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXX-ST ngày 12/04/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 14/2023/TB-TA ngày 10/05/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn chị: **Phùng Thị Th**, Sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Khu Xuân 2, xã Kim Th, huyện Tân S, tỉnh Ph;

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Bùi Đức Dũng trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trơ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph.

- Bị đơn anh: **Hà Văn L**, Sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Khu Xuân 2, xã Kim Th, huyện Tân S, tỉnh Ph.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lã Thành Công trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph.

(Chị Th có mặt, anh L vắng mặt, những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Phùng Thị Th trình bày:

-*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Hà Văn L trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 18/3/2011, Anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Th, huyện Tân S, tỉnh Ph. Sau khi kết hôn vợ chồng chị ở cùng với bố mẹ chồng tại Khu Xuân 2, xã Kim Th. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau không tin tưởng nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gia đình không hòa thuận, đầm ấm. Vì vậy, chị Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân S cho chị được ly hôn với anh Hà Văn L.

-*Về con chung:* Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Phùng Thị Phương U, sinh ngày 07/08/2009 và cháu Hà Minh Ch, sinh ngày 16/04/2013, hiện nay hai cháu đang ở với chị. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Th xin được nuôi hai cháu và chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-*Về tài sản chung, tài sản riêng, Công nợ, Công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị Th xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phía bị đơn: Anh Hà Văn L vắng mặt nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2023 anh L trình bày: Về thời gian kết hôn, các thủ tục xung quanh việc kết hôn, thời gian chung sống, thời gian ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Nay chị Th xin ly hôn anh, ban đầu mong muốn của anh L là vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung, cho đến nay chị Th vẫn cương quyết xin ly hôn anh, thì anh vẫn giữ nguyên quan điểm như anh đã trình bày còn cụ thể như thế nào thì anh đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

-*Về con chung:* Vợ chồng có 02 (Hai) con chung là cháu Phùng Thị Phương U, sinh ngày 07/08/2009 và cháu Hà Minh Ch, sinh ngày 16/04/2013, hiện nay hai cháu đang ở với chị Th. Nay ly hôn nguyện vọng của anh L xin được nuôi cháu Ch và anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-*Về tài sản chung, tài sản riêng, Công nợ, Công sức đóng góp của vợ chồng:* Anh L xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 điều 56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh L và các vấn đề khác theo như nguyện vọng của chị Th đã khai tại tòa án.

***4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*:** Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Để

nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo như nguyện vọng của anh L về việc anh L xin được đoàn tụ với chị Th và đề nghị xin được nuôi con chung là cháu Hà Minh Ch.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của pháp luật;

+ Về nội dung giải quyết vụ án: - Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

+Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị Th được ly hôn anh Hà Văn L

+ Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 cháu Hà Thị Phương U, sinh ngày: 07/8/2009 và cháu Hà Minh Ch, sinh ngày: 14/4/2013 cho chị Th được chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, vì chị tự nguyện không yêu cầu. Anh L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, Công nợ, Công sức đóng góp; chị Th và anh L đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Phùng Thị Th theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Phùng Thị Th có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn L. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph. Tòa án đã thông báo cho anh Hà Văn L về việc thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Th và anh L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh L đến Tòa án để làm việc nhưng anh L vắng mặt không có lý do, Tòa án phải tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và lấy lời khai của anh L. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa hôm nay anh L đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng anh L đều vắng mặt; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân S xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Th và anh Hà Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 18/3/2011 tại UBND xã Kim Th, huyện Tân S, tỉnh Ph lµ hoµn toµn tù nguyÖn vµ hîp ph¸p. Thêi gian ®Çu t×nh c¶m vî chång vui vÎ, hoµ thuËn, h¹nh phóc. Chị Th xin ly h«n anh L với lý do trong quá trình chung sống, vợ chồng không bảo nhau làm ăn được, hay bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị xin được ly hôn anh L.

Về phÝa anh L cho r»ng trong cuộc sống, vợ chồng những năm đầu bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn, mong muốn của anh là vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. XÐt t×nh c¶m vî chång gi÷a chị Th và anh L ®· r¹n nøt, khã hµn g¾n ®ưîc. Sau khi chị Th cã ®¬n xin ly h«n t¹i Toµ ¸n, anh L cho rằng nếu chị Th vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý, chøng tá phÝa anh L còng kh«ng cßn niÒm tin vµo h¹nh phóc cña m×nh. Mặt khác, anh, chị cũng không có biện pháp tÝch cùc nµo ®Ó c¶i thiÖn l¹i mối quan hÖ vî chång. Như vậy có thể thấy rằng, t×nh tr¹ng m©u thuÉn vợ chồng ®· trÇm träng, ®êi sèng chung kh«ng thÓ kÐo dµi, môc ®Ých h«n nh©n kh«ng ®¹t ®ưîc, nÕu kÐo dµi chØ g©y ®au khæ cho c¶ 2 bªn, lµm cho anh, chÞ sèng kh«ng ®em l¹i h¹nh phóc, kh«ng cßn t×nh yªu thư¬ng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh L là phù hợp víi quy định tại ĐiÒu 56 LuËt h«n nh©n vµ gia ®×nh.

[3]. Về con chung: Chị Th và anh L xác nhận có 02 (hai) con chung là cháu Phùng Thị Phương U, sinh ngày 07/08/2009 và cháu Hà Minh Ch, sinh ngày 14/4/2013. Hiện nay, cả hai cháu đang ở với chị Th. Khi ly hôn, chị Th có quan điểm, nguyện vọng xin được nuôi hai cháu U và cháu Ch và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về phía anh L tại phiên tòa anh vắng mặt nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 27/03/2023 anh L cũng có nguyện vọng xin được nuôi cháu Ch và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy khi ly hôn nguyện vọng được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là nguyện vọng chính đáng của các bậc làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên, khi giao con cho cha, mẹ nuôi dưỡng thì cũng cần phải căn cứ vào điều kiện về độ tuổi, tinh thần và vật chất. Cháu U và cháu Ch hiện nay đã trên 10 tuổi đang ở cùng với chị Th từ nhỏ đến nay các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu phát triển bình thường, mặt khác nguyện vọng của các cháu U và cháu Ch hiện nay đều mong muốn được ở với mẹ. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu U và cháu Ch

cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng để tránh làm sáo trộn tâm lý, sinh hoạt của hai cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Th tự nguyện không yêu cầu anh Hà Văn L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị đối với hai cháu. Xét việc chị Th không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng, Công nợ, Công sức đóng góp của vợ chồng: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Thy và anh L đều xác định vợ chồng không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị Phùng Thị Th và anh Hà Văn L là người dân tộc thiểu số, sống ở xã đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị Th và anh Hà Văn L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Phùng Thị Th được ly hôn anh Hà Văn L.

[2]. Về con chung: Giao cháu Phùng Thị Phương U, sinh ngày 07/08/2009 và cháu Hà Minh Ch, sinh ngày: 14/4/2013 cho chị Phùng Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu U và cháu Ch đến khi thành niên, anh Hà Văn L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Th tự nguyện không yêu cầu, anh L có quyền thăm gặp con chung không ai được cản trở.

[3]. Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Th và anh L đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Án phí : Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Phùng Thị Th

Trưêng hîp b¶n ¸n, quyÕt ®Þnh ®ưîc thi hµnh theo quy ®Þnh t¹i ®iÒu 2 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù th× ngưêi ®ưîc thi hµnh ¸n d©n sù, ngưêi ph¶i thi hµnh ¸n d©n sù cã quyÒn tho¶ thuËn thi hµnh ¸n, quyÒn yªu cÇu thi hµnh ¸n, tù nguyÖn thi hµnh ¸n hoÆc bÞ cưìng chÕ thi hµnh ¸n theo quy ®Þnh t¹i ®iÒu 6, 7 vµ 9 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù; thêi hiÖu thi hµnh ¸n ®ưîc thùc hiÖn theo quy ®Þnh t¹i ®iÒu 30 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù.

[5]. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Th có mặt được quyền kháng cáo. Anh L vắng mặt được được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện Tân S;
- UBND xã Kim Th
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tạ Đình Quang

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN S** **TỈNH PH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 09** /2023/HS-ST
Ngày 16/03/2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH

1. Tại điểm cầu trung tâm:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Đình Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Trần Đức Thọ và ông Hà Đức Trưởng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

2. Có mặt tại điểm cầu thành phần: Trại tạm giam Công an tỉnh Ph

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph*: Ông Đinh Xuân Tiệp –

Kiểm sát viên;

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph mở phiên tòa trực tuyến tại 02 điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm, tại Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph; 01 điểm cầu thành phần, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ph để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2023/TLST- HS ngày 21/ 02/ 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 06 / 03/2023 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Hà Văn T**. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 04/04/1987.

Nơi ĐHKTT: Khu Đồng Tô, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Ph.
Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12. Đoàn thể: Quần chúng.
Bố đẻ: Hà Văn Đ, sinh năm 1966; Mẹ đẻ: Hà Thị Kh, sinh năm 1965
Vợ: Hà Thị Th, sinh năm 1985; Con: 02 con (Con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014). Hiện vợ, con sinh sống tại xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Ph
- Tiền án, tiền sự: Không.
- Nhân thân: Bản án số 51/2019/HSST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Tuyên phạt Hà Văn T 1 năm 09 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", ngày 5/11/2020 bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 23/12/2022. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Ph.(Có mặt)
- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lã Thành Công, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph (Có mặt)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hà Tiến Th, sinh năm 1982
Địa chỉ: Khu Tân Lực, xã Mỹ Th, huyện Tân S, tỉnh Ph (vắng mặt).

+ Người tham gia tố tụng khác có mặt tại điểm cầu thành phần:

+ Ông Hà Văn Thắng, Đội cảnh sát hỗ trợ tư pháp và thi hành án thuộc Công an huyện Tân S, tỉnh Ph (Có mặt)

+ Ông Phùng Văn Quý, Đội cảnh sát hỗ trợ tư pháp và thi hành án thuộc Công an huyện Tân S, tỉnh Ph (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.Về hành vi phạm tội của Bị cáo: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23/12/2022 Hà Tiến Th, sinh năm 1982, trú quán: Khu Tân Lực, xã Mỹ Th,

huyện Tân S, tỉnh Ph do có nhu cầu sử dụng chất ma túy (Heroine) Th đi từ nhà mình lên nhà Hà Văn T, sinh năm 1987 trú quán: Khu Đồng T, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Ph gặp nhau tại nhà T, Th hỏi "Có hàng không, để cho một con" ý là có ma túy (Heroine)? T nói "Có" sau đó T vào nhà lấy 01 gói giấy bạc một mặt màu trắng, một mặt màu vàng bên trong chứa chất bột màu trắng (Heroine) đưa cho Th, Th đưa lại cho T 200.000đ. Sau đó Th mang ma túy đi về, khi đi đến khu nghĩa trang thuộc khu Chiềng 1, xã Thu C, huyện Tân S, Th sử dụng ma tuý (Heroine). Trong khi đang sử dụng Th bị cơ quan CSĐT Công an huyện Tân S phát hiện, qua tét nhanh phát hiện Th dương tính với ma túy (Heroine). Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tân S niêm phong vật chứng gồm 01 gói giấy bạc một mặt màu trắng, một mặt màu vàng bên trong bám dính chất bột màu trắng, đưa Th về trụ sở Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân S để làm rõ.

Tại Cơ quan CSĐT-Công an huyện Tân S, tỉnh Ph, Th khai nhận nguồn gốc ma tuý (Heroine) mua của Hà Văn T. Cùng ngày Cơ quan CSĐT-Công an huyện Tân S đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hà Văn T tại khu Đồng T, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Ph nhưng không thu giữ được gì.

2.Về các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 23/12/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tân S ra Quyết định trưng cầu giám định đối với vật chứng đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số: 44/KL-KTHS ngày 26/12/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Ph kết luận: "Chất bột màu trắng bám dính trên một 01 mảnh giấy gửi đến giám định là ma túy, loại Heroine. "*Heroine là chất ma túy nằm trong danh mục IA, số thứ tự: 09, Nghị định số: 57/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ.*"

Ngày 26/12/2022 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tân S ra Quyết định Khởi tố vụ án, Khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với Hà Văn T về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

3.Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

- Tại Bản cáo trạng số: 07/CT-VKS- TS ngày 17/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph đã truy tố Bị cáo Hà Văn T về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo Khoản 1 Điều 251 của BLHS năm 2015.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

+ Xử phạt Bị cáo Hà Văn T từ 36 (ba mươi sáu) đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/12/2022. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Hà Văn T.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a,b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu để

tiêu hủy: 01 bì giấy số 44/KLGĐ của Phòng KTHS- Công an tỉnh Ph hoàn trả toàn bộ bao gói gửi giám định; 01 que tét phát hiện nhanh ma túy bằng nước tiểu. Và truy thu số tiền 200.000đ của bị cáo T để sung công quỹ nhà nước.

+ Về án phí: Bị cáo T là người dân tộc thiểu số, sống ở khu vực đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Người bào chữa cho bị cáo T có quan điểm: Đồng ý với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho Bị cáo hình phạt ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên.

5.Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, Bị cáo và những người khác không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

6.Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo mức án thấp nhất để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân S, tỉnh Ph, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên toà hôm nay Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của Bị cáo thống nhất, phù hợp với Biên bản sự việc, Biên bản khám xét và Biên bản niêm phong vật chứng, đồng thời phù hợp với lời khai của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận:

Vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 23/12/2022 tại nơi ở Hà Văn T, sinh năm 1987 trú quán: Khu Đồng T, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Ph đã có hành vi bán 01 gói ma túy (Heroin) với giá 200.000đ cho Hà Tiến Th, sinh năm 1982, trú quán: Khu Tân Lực, xã Mỹ Th, huyện Tân S, tỉnh Ph. Theo kết luận giám định số: 44/KL-KTHS ngày 26/12/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Ph kết luận: "Chất bột màu trắng bám dính trên một 01 mảnh giấy gửi đến giám định là ma túy, loại Heroine". Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi của Bị cáo Hà Văn T

đã phạm vào tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 251 của BLHS.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm."

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội*: Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý các chất Ma túy của Nhà nước là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Mặt khác, Ma tuý là chất gây nghiện, nó đầu độc hệ thần kinh con người, hủy hoại giống nòi, người nghiện ma tuý có thể dẫn đến các hành vi phạm tội khác như: Trộm cắp, Cướp tài sản, Giết người.... Do đó, hành vi

của Bị cáo cần bị xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

- *Về nhân thân*: Bị cáo không chịu lao động bằng con đường chân chính thích ăn chơi đua đòi, để có tiền tiêu sài, Bị cáo đã có hành vi mua bán Ma túy để bán kiếm lời.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay Bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Do đó, Bị cáo được hưởng 01 (một) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của Bị cáo là nghiêm trọng, chỉ vì mục đích lợi nhuận, Bị cáo đã bất chấp hậu quả xấu gây ra cho xã hội, cố ý thực hiện tội phạm. Do vậy, cần áp dụng Điều 38 của BLHS năm 2015, xử phạt Bị cáo hình phạt tù có thời hạn ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 BLHS năm 2015 thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản ".*

Tại biên bản xác minh ngày 24/12/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân S, tỉnh Ph đã xác định: Bị cáo hiện không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị, đang sống phụ thuộc vào gia đình. Vì vậy, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo là phù hợp.

[4] Đối với người đàn ông chưa rõ tên tuổi, địa chỉ là người bán ma túy Heroin cho T khi T mua ma túy ở tại khu vực đèo khế, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh

Ph. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tân S đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được tên tuổi, địa chỉ, nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với Hà Tiến Th có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Công an huyện Tân S đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức "Cảnh cáo" quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Xét thấy phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 bì giấy số 44/KLGĐ của Phòng KTHS- Công an tỉnh Ph hoàn trả toàn bộ bao gói gửi giám định; 01 que tét phát hiện nhanh ma túy bằng nước tiểu là vật chứng của vụ án không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) bị cáo T bán ma túy cho Th mà có, bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết, đây là số tiền bị cáo thu lời bất chính từ việc bán ma túy mà có. Vì vậy cần truy thu hồi số tiền trên của bị cáo để sung công quỹ nhà nước là phù hợp.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực đặc biệt khó khăn vì vậy cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội là phù hợp.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ kết tội, tội danh:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy".*

2. *Trách nhiệm hình sự, hình phạt:*

- Xử phạt Bị cáo **Hà Văn T 36** (*Ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tam giam là ngày 23/12/2022.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo Hà Văn T.

3. *Về xử lý vật chứng*:

Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a,b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 bì giấy số 44/KLGĐ của Phòng KTHS- Công an tỉnh Ph hoàn trả toàn bộ bao gói gửi giám định; 01 que tét phát hiện nhanh ma túy bằng nước tiểu. Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân S bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân S ngày 20/02/2023.

- Truy thu hồi số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) của bị cáo Hà Văn T để sung công quỹ nhà nước.

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

+ Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn T

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

N¬i nhËn:
ThÈm ph¸n- Chñ to¹ phi¸n toµ
- VKSND HuyÖn, tỉnh
- THAHS (§Ó thi hµnh)
- Chi côc THADS huyÖn
- C«ng an huyÖn
- UBND xã Thu C
T¹ §×nh Quang
- BÞ c¸o
- Lưu h/s